

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 18-6-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thu Thủy.
2. Ông Phạm Tuấn Thịnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị D (Tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) - Sinh năm: 1992;*

*Nơi ĐKKH: Tổ dân phố số S (nay là TDP số M), thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Tạm trú: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện X, tỉnh Lào Cai - Có mặt.*

2. Bị đơn: *Anh Lương Tuấn Đ - Sinh năm: 1994;*

*Địa chỉ: Tổ dân phố số S (nay là TDP số M), thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/03/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) trình bày:

Chị và anh Lương Tuấn Đ đăng ký kết hôn ngày 01/6/2017 tại UBND thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Anh, chị kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tích cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên dẫn đến xô xát, cãi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc và không tìm được tiếng nói

chung. Anh chị cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn như không khắc phục được và đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không còn quan T đến nhau, bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2020, anh Lương Tuấn Đ trình bày: Về ngày, tháng năm và nơi đăng ký kết hôn như chị D (Hồng V) trình bày là đúng sự thật. Quá trình chung sống thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tích cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên dẫn đến xô xát, cãi nhau, gia đình hai bên và hàng xóm xung quanh đều biết. Anh cũng xem được tin nhắn trên điện thoại về việc chị V nhắn tin cho người khác giới, mặc dù không có bằng chứng cụ thể nhưng anh nghe nhiều người nói về việc này. Anh, chị cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và không khắc phục được, năm 2018 chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị V không về nhà. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không quan T đến nhau nữa. Đến nay chị V có đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận, anh chị có một con chung là cháu Lương Minh T - Sinh ngày: 07/8/2018, hiện tại cháu T phát triển bình thường và đang do chị D (Hồng V) trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D (Hồng V) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do là anh muốn đảm bảo cho con có điều kiện học tập sau này và anh nuôi dưỡng sẽ tốt hơn chị D. Anh có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) khởi kiện xin ly hôn với anh Lương Tuấn Đ và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D (Hồng V) và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do do tích cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên dẫn đến xô xát, cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không quan T đến nhau nữa, chị D (Hồng V) và anh Đ đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Mâu thuẫn của anh chị đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy việc chị D (Hồng V) xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, quá trình giải quyết vụ án thì anh Đ đều có mặt, tuy nhiên khi mở phiên tòa xét xử vụ án thì anh Đ vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên cần xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về con chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận, anh chị có một con chung là cháu Lương Minh T - Sinh ngày: 07/8/2018. Hiện tại cháu T phát triển bình thường và đang do chị D (Hồng V) trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D (Hồng V) vẫn có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung với lý do anh nuôi dưỡng sẽ tốt hơn chị D (Hồng V) và muốn đảm bảo cho cháu học tập sau này. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì khác về việc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Lương Minh T dưới 36 tháng tuổi, chị D không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con, chị có mức thu nhập được địa phương xác nhận, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Lương Minh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị D (Hồng V) không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị D (Hồng V) và anh Đ đều xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) được ly hôn với anh Lương Tuấn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lương Minh T - Sinh ngày 07/8/2018 cho chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Anh Lương Tuấn Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lương Tuấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009898 ngày 19/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị Nguyễn Thị D (tên khác: Nguyễn Thị Hồng V) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND thị trấn T;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**



